

NGHỊ QUYẾT

**Về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển
Nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025
thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 6**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 cho các địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 43/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Nghị quyết số 44/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 46/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2022 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2022 đến năm 2025;

Xét Tờ trình số 4057/TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia là 445.023 triệu đồng, cụ thể:

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số: 26.352 triệu đồng.
- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 10.111 triệu đồng.
- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 408.560 triệu đồng.

(Đính kèm các phụ lục số 1, 2, 3)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết đúng quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh tuyên truyền và tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh Khóa X, Kỳ họp thứ 6 thông qua và có hiệu lực từ ngày 09 tháng 12 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ KHĐT;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Tây Ninh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thành Tâm



KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUYÊN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TÂY NINH GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số 76 /NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

Stt	Chương trình/ Dự án	Kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025					Ghi chú
		Tổng	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
	TỔNG CỘNG	26.352	6.095	7.412	7.955	4.890	
A	Tỉnh quản lý	18.922	6.095	4.567	3.370	4.890	
I	DỰ ÁN 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	3.040	0	3.040	0	0	
1	Đầu tư nâng cấp trạm cấp nước tập trung tại xã Hòa Hiệp	3.040		3.040			
II	DỰ ÁN 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	6.752	6.095	657	0	0	
1	Trường phổ thông dân tộc nội trú Tây Ninh	6.752	6.095	657			
III	DỰ ÁN 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	9.130	0	870	3.370	4.890	
1	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao tại các ấp có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống (nâng cấp, sửa chữa 12 nhà văn hóa, xây mới 6 nhà văn hóa)	9.130		870	3.370	4.890	
B	Hỗ trợ có mục tiêu	7.430	0	2.845	4.585	0	
I	DỰ ÁN 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	7.430	0	2.845	4.585	0	
1.1	Củng cố đường tổ 11 ấp Hòa Bình, xã Hòa Hiệp (Nối từ đường khu Sóc Thiết - Chàng Rục đến xã) chiều dài 2km	4.390			4.390		
1.2	Xây dựng nhà hòa táng tại xã Hòa Hiệp, huyện Tân Biên	3.040		2.845	195		



**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUYÊN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2025**
(Kèm theo Nghị quyết số 76 /NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Danh mục chương trình/ Dự án	Kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025					Ghi chú
		Tổng	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
	Tình quản lý	10.111	876	3.079	6.156	0	
	Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	10.111	876	3.079	6.156	-	
	Giáo dục - đào tạo dạy nghề	10.111	876	3.079	6.156	-	
1	Đầu tư cơ sở hạ tầng, phần mềm, trang thiết bị công nghệ thông tin cho Trung tâm dịch vụ việc làm – Giáo dục nghề nghiệp tỉnh Tây Ninh	10.111	876	3.079	6.156	-	

ĐVT: triệu đồng



KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUYÊN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
(Kèm theo Nghị quyết số 76 /NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

Stt	Huyện	Kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025			Kế hoạch năm 2021, 2022			Dự kiến 2023			Dự kiến 2024			Dự kiến 2025			Ghi chú
		Tổng	Nông thôn mới	Nông thôn mới nâng cao	Tổng	Nông thôn mới	Nông thôn mới nâng cao	Tổng	Nông thôn mới	Nông thôn mới nâng cao	Tổng	Nông thôn mới	Nông thôn mới nâng cao	Tổng	Nông thôn mới	Nông thôn mới nâng cao	
	Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền	408.560	305.190	103.370	96.700	73.676	23.024	114.170	102.675	11.495	142.783	87.590	55.193	54.977	41.249	13.728	
	Huyện quản lý	408.560	305.190	103.370	96.700	73.676,00	23.024	114.170	102.675	11.495	142.783	87.590	55.193	54.977	41.249	13.728	
1	Huyện Tân Biên	46.570	35.090	11.480	12.280	9.210	3.070	14.115	13.300	815	20.175	12.580	7.595				
2	Huyện Tân Châu	85.280	68.060	17.220	12.280	9.210	3.070	15.185	14.370	815	34.550	26.790	7.760	23.265	17.690	5.575	
3	Huyện Dương Minh Châu	73.900	59.550	14.350	10.745	9.210	1.535	13.040	12.225	815	33.950	24.650	9.300	16.165	13.465	2.700	
4	Huyện Châu Thành	90.160	78.680	11.480	21.486	18.416	3.070	27.415	26.600	815	28.438	23.570	4.868	12.821	10.094	2.727	
5	Huyện Gò Dầu	32.750	21.270	11.480	12.280	9.210	3.070	12.875	12.060	815	7.595		7.595				
6	Huyện Bến Cầu	32.750	21.270	11.480	12.280	9.210	3.070	12.875	12.060	815	7.595		7.595				
7	Thị xã Trảng Bàng	32.750	21.270	11.480	10.745	9.210	1.535	12.875	12.060	815	6.404		6.404	2.726		2.726	
8	Thị xã Hòa Thành	8.610		8.610	4.604		4.604				4.076		4.076				
9	Thành phố Tây Ninh	5.790		5.790				5.790		5.790							